

Số: 1582/QĐ - STP

Điện Biên, ngày 28 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi  
ngân sách nhà nước năm 2018 của Sở Tư pháp**

**GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;

Căn cứ quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018;

Căn cứ quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy năm 2017;

Xét đề nghị của Văn phòng Sở,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 (theo các biểu đính kèm).

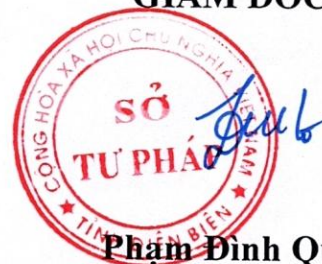
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KT.

**GIÁM ĐỐC**



**Phạm Đình Quế**

Đơn vị: Sở Tư Pháp

Chương: 414

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1521/QĐ-STP ngày 28/12/2018 của Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>800</b>	<b>1.112,4</b>	-	-
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí	-	1,1	-	-
	Lệ phí HĐVP luật sư; CC; Đấu giá		1,1		
1.2	Phí	800	1.111,3	-	-
	Phí cấp phiếu LLTP	100	145,1		
	Phí tuyển dụng		6,5		
	Phí đăng ký VPCC		0,5		
	Phí công chứng	700	957,0		
	Phí chứng thực		2,2		
<b>2</b>	<b>Thu khác</b>	<b>400</b>	<b>444,7</b>	-	-
	Thù lao công chứng		6,7		
	Thù lao đấu giá	400	434,8		
	Lãi ngân hàng		3,2		
<b>3</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>377</b>	<b>510,2</b>	-	-
3.1	Chi sự nghiệp kinh tế	350	479,6	-	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	350	479,6		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3.2	Chi quản lý hành chính	27	30,6	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	27	30,6		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>4</b>	<b>Chi hoạt động khác</b>	<b>-</b>	<b>420,5</b>		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		420,5		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>5</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>423</b>	<b>602</b>	-	-
3.1	Lệ phí		1,1		
	Lệ phí HĐVP luật sư; CC; Đấu giá		1,1		
3.2	Phí	423	501,9	-	-
	Phí cấp phiếu LLTP	73	21,8		
	Phí đăng ký VPCC		0,5		
	Phí công chứng	350	478,5		
	Phí chứng thực		1,1		
3.3	Phải trích nộp khác	-	99,2	-	-
	Trích 60% trả công an tỉnh		90,3		
	Trích 4 % trả TTLTPQG		7,9		
	Trích trả TAQSTW		0,97		
<b>6</b>	<b>Chi khác</b>	<b>-</b>	<b>24,3</b>		

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1582/QĐ-STP ngày 28/12/2018 của Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên)*



*ĐV tính: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	Thù lao công chứng		0,67		
	Thù lao đấu giá		23,59		
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>15.454</b>	<b>15.214</b>	-	-
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>8.314</b>	<b>8.312</b>	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.948	3.948		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.366	4.364		
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>4.924</b>	<b>4.919</b>	-	-
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.254	3.254		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.670	1.665		
<b>11</b>	<b>Chi Chương trình mục tiêu</b>	<b>2.216</b>	<b>1.982,5</b>		
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	2.216	1.982,5	-	
	<i>Chương trình xây dựng nông thôn mới</i>	50	50		
	<i>Chương trình mục tiêu PCTP - MT</i>	80	80		
	<i>Chương trình theo QĐ 32/QĐ-TTg</i>	2.086	1.852,5		
2	Chi Chương trình mục tiêu				

*OK*

Đơn vị: Sở Tư Pháp  
Chương: 414

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018**



ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>100</b>	<b>153,2</b>	-	-
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí	-	1,1	-	-
	Lệ phí HĐVP luật sư; CC; Đấu giá		1,1		
1.2	Phí	100	152,1	-	-
	Phí cấp phiếu LLTP	100	145,1		
	Phí tuyển dụng		6,5		
	Phí đăng ký VPCC		0,5		
<b>3</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>27</b>	<b>30,6</b>	-	-
3.1	Chi sự nghiệp kinh tế	-	-	-	-
3.2	Chi quản lý hành chính	27	30,6	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	27	30,6		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>4</b>	<b>Chi hoạt động khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>5</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>73</b>	<b>123</b>	-	-
3.1	Lệ phí		1,1		
	Lệ phí HĐVP luật sư; CC; Đấu giá		1,1		
3.2	Phí	73	22,3	-	-
	Phí cấp phiếu LLTP	73	21,8		
	Phí đăng ký VPCC		0,5		
3.3	Phải trích nộp khác	-	99,2	-	-
	Trích 60% trả công an tỉnh		90,3		
	Trích 4 % trả TTLTPQG		7,9		
	Trích trả TAQSTW		0,97		
<b>6</b>	<b>Chi khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>8.444</b>	<b>8.442</b>	-	-
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>8.314</b>	<b>8.312</b>	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.948	3.948		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.366	4.364		
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	-	-
<b>11</b>	<b>Chi Chương trình mục tiêu</b>	<b>130</b>	<b>130</b>		
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	130	130	-	
	Chương trình xây dựng nông thôn mới	50	50		
	Chương trình mục tiêu PCTP - MT	80	80		